

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 488/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Tuyết V, sinh năm 1987; Địa chỉ: 95 N, phường K, A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Võ Quang M, sinh năm 1985; Địa chỉ: 3/18 T, phường P, A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2019

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Võ Thị Tuyết V và anh Võ Quang M thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị V và anh M xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Ng, sinh ngày 26/12/2014, hiện đang ở với chị V. Hai đương sự thỏa thuận sau khi ly hôn giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc cháu Ng trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Mỗi tháng anh M cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị V 2.000.000 đồng kể từ lúc Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp

luật cho đến lúc cháu Ng trưởng thành, đủ 18 tuổi.

2.3. Về tài sản chung: Chị V và anh M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị V và anh M xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

2.5. Về án phí: Chị V và anh M phải chịu 150.000 đồng án phí giải quyết ly hôn (mỗi người chịu 75.000 đồng), anh M phải chịu phải 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng hai đương sự thỏa thuận chị V chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/008691 ngày 30/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự A. Chị V đã nộp đủ.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh M chưa thanh toán tiền thì hàng tháng anh M còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND A;
- Chi cục THADS A;
- Các đương sự;
- UBND phường P, A. (ĐKKH số 61 ngày 29.8.2013);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dân án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung